



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
(REE)



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính : VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.778.564.166.979	1.442.727.101.374
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.096.517.133.773	1.046.292.674.491
111	1. Tiền		66.517.133.773	258.834.233.542
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.030.000.000.000	787.458.440.949
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		2.123.977.933.196	74.170.543.131
121	1. Chứng khoán kinh doanh	9.1	59.872.032.665	67.611.361.848
122	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	9.1	(6.133.400.000)	(11.120.818.717)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.070.239.300.531	17.680.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		554.025.171.967	320.995.707.206
131	1. Phải thu khách hàng		7.692.003.905	5.042.856.780
132	2. Trả trước cho người bán		68.477.449.599	45.468.709.532
136	3. Các khoản phải thu khác	5	477.855.718.463	270.484.140.894
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.043.928.043	1.268.176.546
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.468.958.782	1.268.176.546
153	2. Thuế và các khoản phải thu NN		574.969.261	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.767.424.678.678	8.641.927.986.960
220	I. Tài sản cố định		12.833.647.595	13.220.246.376
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	4.816.411.654	5.122.510.167
222	Nguyên giá		21.585.929.480	21.585.929.480
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.769.517.826)	(16.463.419.313)
227	2. Tài sản cố định vô hình	7	8.017.235.941	8.097.736.209
228	Nguyên giá		15.135.432.540	15.135.432.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.118.196.599)	(7.037.696.331)
230	II. Bất động sản đầu tư	8	445.674.366.252	454.672.948.613
231	1. Nguyên giá		999.065.511.222	999.065.511.222
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(553.391.144.970)	(544.392.562.609)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		252.563.043.317	126.298.991.091
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		252.563.043.317	126.298.991.091
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		8.027.197.920.415	8.027.651.444.169
251	1. Đầu tư vào công ty con	9.2	2.631.014.740.818	2.631.014.740.818
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	9.3	4.749.867.044.533	4.627.728.584.526
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.4	716.590.502.260	771.781.412.083
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	9.4	(100.274.367.196)	(32.873.293.258)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		29.155.701.099	20.084.356.711
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		23.036.689.117	13.965.344.729
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		6.119.011.982	6.119.011.982
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.545.988.845.657	10.084.655.088.334

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH


B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 03 năm 2019


Đơn vị tính : VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.834.849.758.939	2.099.328.255.970
310	I. Nợ ngắn hạn		1.090.314.838.158	640.284.411.366
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		41.811.275.106	6.040.719.305
312	2. Người mua trả tiền trước		2.674.152.744	1.762.609.795
313	3. Thuế và các khoản phải nộp NN	10	16.241.370.326	16.520.354.305
314	4. Phải trả người lao động		-	1.497.730.000
315	5. Chi phí phải trả	11	47.605.958.423	38.085.114.353
318	6. Doanh thu chưa thực hiện		1.182.204.270	266.500.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	12	606.151.773.189	66.173.868.919
320	8. Vay và nợ thuê tài chính	13.1	374.169.410.591	509.458.821.180
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		478.693.509	478.693.509
330	II. Nợ dài hạn		3.744.534.920.781	1.459.043.844.604
337	1. Phải trả dài hạn khác		139.707.109.474	130.427.416.036
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.2	3.604.827.811.307	1.328.616.428.568
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	14	7.711.139.086.718	7.985.326.832.364
410	I. Vốn chủ sở hữu		7.711.139.086.718	7.985.326.832.364
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.050.233.348.786	1.050.233.348.786
415	3. Cổ phiếu quỹ		(83.026.660)	(83.026.660)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		200.979.473.252	200.979.473.252
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.359.420.881.340	3.633.608.626.986
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.075.516.960.186	2.172.523.466.624
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		283.903.921.154	1.461.085.160.362
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.545.988.845.657	10.084.655.088.334


 Nguyễn Thị Huỳnh Phương
 Người lập


 Hồ Trần Diệu Linh
 Kế Toán Trưởng




 Nguyễn Thị Mai Thanh
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B02-DN

LIÊN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 kỳ I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mã Số	Diễn giải	Thuyết minh	Quý I		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lý lẽ từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	141.589.799.437	136.150.031.071	141.589.799.437	136.150.031.071
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	141.589.799.437	136.150.031.071	141.589.799.437	136.150.031.071
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(37.491.657.066)	(39.339.196.235)	(37.491.657.066)	(39.339.196.235)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.2	104.098.142.371	96.810.834.836	104.098.142.371	96.810.834.836
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	345.562.168.135	237.792.746.124	345.562.168.135	237.792.746.124
22	7. Chi phí tài chính	16	(139.627.106.244)	(27.057.468.221)	(139.627.106.244)	(27.057.468.221)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(70.869.546.746)	(38.594.977.519)	(70.869.546.746)	(38.594.977.519)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(11.195.818.502)	(11.604.769.527)	(11.195.818.502)	(11.604.769.527)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17	298.837.385.760	350.056.279.654	298.837.385.760	350.056.279.654
31	10. Thu nhập khác	17	982.147.010	-	982.147.010	-
32	11. Chi phí khác	17	-	(763.585.222)	-	(763.585.222)
40	12. Lợi nhuận khác		982.147.010	(763.585.222)	982.147.010	(763.585.222)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		299.819.532.770	349.292.694.432	299.819.532.770	349.292.694.432
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(15.915.611.616)	(25.775.663.032)	(15.915.611.616)	(25.775.663.032)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		283.903.921.154	323.517.031.400	283.903.921.154	323.517.031.400



Nguyễn Thị Huỳnh Phương
 người lập



Hồ Trần Diệu Lynh
 Kế Toán Trưởng




 Nguyễn Thị Mai Thanh
 Trưởng Giám Đốc

ngày 25 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế TNDN Quý I năm 2019 :

Tổng lợi nhuận sau thuế Quý I năm 2019 đạt 283 tỷ đồng, giảm 39,6 tỷ đồng tương ứng giảm 12% so với cùng kỳ năm 2018 chủ yếu là do:

Chi phí tài chính phát sinh trong Quý I năm 2019 tăng 166,7 tỷ đồng so với cùng kỳ, trong khi đó doanh thu tài chính chỉ tăng 107 tỷ đồng so với cùng kỳ. Trong đó chi phí tài chính Quý I năm 2019 tăng do Công ty thực hiện lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính 62 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm 2018 hoàn nhập dự phòng 66 tỷ đồng. Đóng góp chủ yếu vào kết quả Doanh thu tài chính tăng nêu trên chủ yếu là thu nhập từ khoản thanh toán hoàn thành việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty CP Nhiệt Điện Vũng Áng.


CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		299.819.532.770	349.292.694.432
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	6.7.8	9.385.181.142	10.626.415.666
03	Các khoản trích lập dự phòng		62.413.655.221	(66.430.878.220)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(345.562.022.662)	(237.787.306.555)
06	Chi phí lãi vay	16	70.869.546.746	38.594.977.519
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		96.925.893.217	94.295.902.842
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(270.442.083.527)	(69.590.679.115)
11	(Tăng) giảm các khoản phải trả		30.482.510.872	(11.495.975.725)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		1.665.562.522	355.347.555
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		7.739.329.181	(48.604.367.370)
14	Tiền lãi vay đã trả		(54.498.065.045)	(54.822.627.621)
15	Thuế TNDN đã nộp		(15.797.618.825)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		203.924.471.605	(89.862.399.434)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(126.264.052.226)	(1.592.282.600)
23	Tiền chi cho vay		(2.315.462.558.044)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		262.903.257.513	-
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(80.446.837.127)	(249.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác		97.546.081.803	62.808.462.000
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		292.538.611.359	221.001.380.531
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.869.185.496.722)	33.217.559.931
33	Tiền vay ngắn và dài hạn nhận được		2.264.143.838.198	-
34	Tiền chi trả nợ vay		(140.809.410.589)	(131.466.557.504)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(14.689.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.123.334.427.609	(131.481.246.704)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		50.224.459.282	(188.126.086.207)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.046.292.674.491	801.998.697.563
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		1.096.517.133.773	613.872.611.356


 Nguyễn Thị Huỳnh Phương
 Người lập
 Ngày 25 tháng 04 năm 2019


 Hồ Trần Diệu Linh
 Kế Toán Trưởng




 Nguyễn Thị Mai Thanh
 Tổng Giám Đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300741143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ chí Minh cấp được điều chỉnh mới nhất vào ngày 03 tháng 6 năm 2016. Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất và lắp đặt các hệ thống điều hòa không khí, thiết bị máy tính, thiết bị viễn thông và đồ điện gia dụng, sở hữu và cho thuê cao ốc văn phòng; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; khai thác xử lý và cung cấp nước; sản xuất điện; tư vấn, đầu giá bất động sản và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cập nhật theo Thông Tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc ít hơn 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--------------------------------|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước – xuất trước. |
| Thành phẩm và sản phẩm dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm báo cáo. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê vẫn giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản. Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào tài sản cố định của Công ty trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ trên bảng cân đối kế toán và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 3 tháng) tính từ tháng 08 năm 2007.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	1-3 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bao gồm chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua hoặc xây dựng bất động sản.

Khấu hao

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị phụ trợ	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3-6 năm
Bất động sản đầu tư khác	2 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3.10 Các khoản đầu tư*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong nghiệp vụ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo quy định của Thông Tư số 200/2014TT/BTC ngày 22/12/2014. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn chủ sở hữu được công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được thực hiện theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu :

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty đã chuyển giao phần lớn những rủi ro, lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được cung cấp

Doanh thu từ hợp đồng cung cấp và lắp đặt

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh

Doanh thu được ghi nhận khi hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia lợi nhuận cho các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019*Thu nhập từ hoạt động đầu tư*

Thu nhập từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi các khoản đầu tư được bán. Thu nhập từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư và các khoản thu nhập này được ghi nhận khi cổ tức được công bố.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính : VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	95.726.312	95.901.349
Tiền gửi ngân hàng	66.421.407.461	258.738.332.193
Các khoản tương đương tiền	1.030.000.000.000	787.458.440.949
TỔNG CỘNG	1.096.517.133.773	1.046.292.674.491

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính : VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền gửi	27.049.243.296	2.079.697.715
Cổ tức phải thu	63.935.564.450	123.541.977.300
Tạm ứng đầu tư dự án	251.741.682.447	142.769.472.756
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 19)	132.580.220.884	2.083.016.226
Phải thu khác	2.549.007.386	9.976.897
TỔNG CỘNG	477.855.718.463	270.484.140.894

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính : VND			
	Nhà cửa & vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	15.535.842.267	5.495.528.464	554.558.749	21.585.929.480
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	15.535.842.267	5.495.528.464	554.558.749	21.585.929.480
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	12.412.370.582	3.633.737.642	417.311.089	16.463.419.313
Khấu hao trong kỳ	119.305.882	172.375.964	14.416.667	306.098.513
Số cuối kỳ	12.531.676.464	3.806.113.606	431.727.756	16.769.517.826
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	3.123.471.685	1.861.790.822	137.247.660	5.122.510.167
Số cuối kỳ	3.004.165.803	1.689.414.858	122.830.993	4.816.411.654

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	11.592.038.449	3.543.394.091	15.135.432.540
Số cuối kỳ	11.592.038.449	3.543.394.091	15.135.432.540
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	3.494.302.240	3.543.394.091	7.037.696.331
Khấu hao trong kỳ	80.500.268	-	80.500.268
Số cuối kỳ	3.574.802.508	3.543.394.091	7.118.196.599
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	8.097.736.209	81.633.334	8.097.736.209
Số cuối kỳ	8.017.235.941	-	8.017.235.941

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa & vật kiến trúc	Máy móc & thiết bị	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	764.643.570.124	233.785.237.643	90.250.454	546.453.001	999.065.511.222
Số cuối kỳ	764.643.570.124	233.785.237.643	90.250.454	546.453.001	999.065.511.222
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	341.486.105.009	202.269.754.145	90.250.454	546.453.001	544.392.562.609
Khấu hao trong kỳ	6.229.268.623	2.769.313.738	-	-	8.998.582.361
Số cuối kỳ	347.715.373.632	205.039.067.883	90.250.454	546.453.001	553.391.144.970
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	423.157.465.115	31.515.483.498	-	-	454.672.948.613
Số cuối kỳ	416.928.196.492	28.746.169.760	-	-	445.674.366.252

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 9.1)	59.872.032.665	67.611.361.848
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(6.133.400.000)	(11.120.818.717)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.070.239.300.531	17.680.000.000
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn	2.123.977.933.196	74.170.543.131

Đầu tư dài hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 9.2)	2.631.014.740.818	2.631.014.740.818
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 9.3)	4.749.867.044.533	4.627.728.584.526
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 9.4)	716.590.502.260	771.781.412.083
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(100.274.367.196)	(32.873.293.258)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	30.000.000.000
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn	8.027.197.920.415	8.027.651.444.169

ÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 kỳ I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

9.1 Chứng khoán kinh doanh

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng(VND)	Giá trị đầu tư(VND)	Dự phòng (VND)
Công Ty CP Điện Lực R.E.E	-	-	7.815.990.000	(4.971.934.368)
Công Ty CP Măng Cành	6.133.400.000	(6.133.400.000)	6.133.400.000	(6.133.400.000)
Các khoản đầu tư khác	53.738.632.665	-	53.661.971.848	(15.484.349)
TỔNG CỘNG	59.872.032.665	(6.133.400.000)	67.611.361.848	(11.120.818.717)

9.2 Đầu tư của Công ty mẹ vào các công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
		Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Công ty TNHH Quản Lý và Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	100,00	6.000.000.000	6.000.000.000	TP.HCM - Việt Nam	DV quản lý văn phòng
Công ty CP Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	99,99	149.997.353.000	149.997.353.000	TP.HCM - Việt Nam	Cơ điện
Công ty CP Điện Máy R.E.E	99,99	149.992.500.000	149.992.500.000	TP.HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty CP Vĩnh Thịnh	99,96	5.128.562.025	5.128.562.025	TP.HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty CP Bất Động Sản R.E.E	99,97	650.592.000.000	650.592.000.000	TP.HCM - Việt Nam	Bất động sản
Công ty CP Đầu Tư Nước Sạch Việt Nam	99,97	200.000.000	200.000.000	TP.HCM - Việt Nam	Cung cấp nước
Công ty CP Thủy Điện Thác Bà	60,42	655.239.489.784	655.239.489.784	Yên Bái - Việt Nam	Thủy điện
Công ty CPPT Điện Nông Thôn Trà Vinh	66,29	56.252.866.009	56.252.866.009	Trà Vinh - Việt Nam	Cung cấp điện
Công ty CP Hạ Tầng và BDS Việt Nam	50,61	207.611.970.000	207.611.970.000	Hà Nội - Việt Nam	Bất động sản
Công ty TNHH TMDV Tin Hiệu Xanh	100,00	750.000.000.000	750.000.000.000	TP.HCM - Việt Nam	Cơ sở hạ tầng điện
TỔNG CỘNG		2.631.014.740.818	2.631.014.740.818		

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

LUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 kỳ I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		Ngành nghề kinh doanh
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
ông ty CP Địa Ốc Sài Gòn	28,87	54.457.202.000	54.457.202.000	Bất động sản
ông ty CP Thủy Điện Thác Mơ	42,63	382.178.855.776	382.178.855.776	Sản xuất điện
ông ty CP Nhiệt Điện Ninh Bình	24,61	55.515.588.342	55.515.588.342	Sản xuất điện
ông ty CP Nhiệt Điện Phả Lại	24,14	825.727.978.500	822.882.378.493	Sản xuất điện
ty CP Thủy Điện Srok Phu Miêng	34,30	173.265.171.175	173.265.171.175	Sản xuất điện
ông ty CP Thủy Điện Sông Ba Hạ	25,76	368.000.000.000	368.000.000.000	Sản xuất điện
ông ty CP BOO Nước Thủ Đức	42,10	409.901.420.000	409.901.420.000	Cung cấp nước
ông ty CP Cấp Nước Thủ Đức	44,17	68.375.426.417	68.375.426.417	Cung cấp nước
ông ty CPĐT Nước Tân Hiệp	32,00	76.800.000.000	76.800.000.000	Cung cấp nước
Cty CP ĐT và KD Nước Sạch Sài Gòn	30,00	45.000.000.000	45.000.000.000	Cung cấp nước
ông ty CP Cấp Nước Gia Định	20,05	24.809.965.209	24.809.965.209	Cung cấp nước
ông ty CP Thủy Điện Bình Điền	25,47	59.910.716.000	59.910.716.000	Sản xuất điện
ông ty CP Cấp Nước Nhà Bè	20,02	40.176.895.080	40.176.895.080	Cung cấp nước
ông ty CP TĐ Vĩnh Sơn Sông Hình	21,01	698.671.397.963	698.671.397.963	Sản xuất điện
ông ty CP Phong Điện Thuận Bình	25,00	40.750.000.000	40.750.000.000	Sản xuất điện
ông ty CP Thủy Điện Miền Trung	22,68	615.869.678.461	615.869.678.461	Sản xuất điện
ông ty CP Nước Sạch Sông Đà	35,95	691.163.889.610	691.163.889.610	Cung cấp nước
ông ty CP Cấp Nước Khánh Hòa	24,85	119.292.860.000	-	Cung cấp nước
TỔNG CỘNG		4.749.867.044.533	4.627.728.584.526	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

9.4 Đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư(VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị đầu tư(VND)	Dự phòng (VND)
Công Ty CP Nhiệt Điện Quảng Ninh	470.646.304.200	(96.086.662.500)	470.646.304.200	(24.541.562.400)
Công Ty CP Cấp Nước Khánh Hòa	-	-	53.193.860.000	-
Công ty CP Than Đèo Nai	13.683.261.572	(1.072.413.575)	19.101.729.196	(3.257.545.996)
Các khoản đầu tư dài hạn khác	232.260.936.488	(3.115.291.121)	228.839.518.687	(5.074.184.862)
TỔNG CỘNG	716.590.502.260	(100.274.367.196)	771.781.412.083	(32.873.293.258)

10. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính : VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.915.611.616	15.797.618.825
Thuế thu nhập cá nhân	325.758.710	722.735.480
TỔNG CỘNG	16.241.370.326	16.520.354.305

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính : VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	46.729.797.485	37.208.953.415
Các khoản phải trả khác	876.160.938	876.160.938
TỔNG CỘNG	47.605.958.423	38.085.114.353

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các khoản đầu tư	546.059.000	4.159.542.714
Cổ tức phải trả các cổ đông	593.817.142.336	35.725.475.536
Các khoản phải trả khác cho các bên có liên quan (thuyết minh số 19)	4.017.082.474	7.375.514.743
Lãi trái phiếu phải trả	3.089.636.000	3.089.636.000
Các khoản phải trả khác	4.681.853.379	15.823.699.926
TỔNG CỘNG	606.151.773.189	66.173.868.919

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính : VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
13.1 Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn	<u>374.169.410.591</u>	<u>509.458.821.180</u>
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	124.169.410.591	259.458.821.180
Trái phiếu dài hạn đến hạn phải trả	250.000.000.000	250.000.000.000
13.2 Dài hạn		
Vay dài hạn	<u>3.978.997.221.898</u>	<u>1.838.075.249.748</u>
Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	124.169.410.591	259.458.821.180
Trái phiếu dài hạn đến hạn phải trả	250.000.000.000	250.000.000.000
Nợ dài hạn (*)	579.036.428.568	584.556.428.568
Trái phiếu (**)	3.025.791.382.739	744.060.000.000

Các khoản vay dài hạn có lãi suất tương ứng từ : 6,5% đến 8,5% / năm.

(*) Chi tiết vay dài hạn như sau:

Khoản tín dụng số	Số cuối kỳ(VND)	Ngày đến hạn	Mô tả tài sản thế chấp
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC			
HĐTĐ /VNM 140408CM (VND)	44.367.267.732	Ngày 26 tháng 8 năm 2019	Tài sản tại địa chỉ số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Q.4, TP. HCM
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC			
HĐTĐ / VNM 170276CM (VND)	388.928.571.427	Ngày 24 tháng 7 năm 2024	Tài sản tại địa chỉ số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Q.4, TP. HCM
Ngân hàng TMCP Quốc Tế – Chi nhánh Sài Gòn			
HĐTĐ/100.HĐTĐ.625 .16.VIB (VND)	222.220.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Thế chấp bằng khoản phải thu từ cho thuê văn phòng của các cao ốc, khoản phải thu cổ tức nhận từ cty CP BOO Nước Thủ Đức
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam			
SHBVN/BC/HĐTĐ/R EE/201805(VND)	47.690.000.000	Ngày 08 tháng 5 năm 2026	Thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Cty CP Cơ Điện Lạnh tại địa chỉ 364 Cộng Hòa, P13, Tân Bình, TP.HCM
TỔNG CỘNG	<u><u>703.205.839.159</u></u>		

(**) Trái phiếu

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2017 và ngày 18 tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu với tổng giá trị 1.000 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu), số trái phiếu này được mua bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ("VCB") và Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank ("VCBF"). Các trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành.

Công ty cam kết mua lại số lượng trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo kế hoạch như sau :

- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành; và
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để (1) Đầu tư các dự án của Công ty; (2) tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, trái phiếu này được sở hữu bởi VCB và VCBF. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 74.896.260 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh số 12.3).

Vào ngày 28 tháng 01 năm 2019 Công ty đã phát hành 2.318 trái phiếu có kỳ hạn 10 năm (REE-BOND2029) với tổng giá trị 2.318 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu). Đây là Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được bảo lãnh thanh toán bởi Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF) – Một quỹ tín thác của Ngân hàng phát triển Châu Á (“CGIF”).

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này để sử dụng cho việc phát triển dự án và các hoạt động mua bán, chuyển nhượng vốn. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 38.365.168 cổ phiếu Công ty CP Thủy Điện Thác Bà và 32.000.000 cổ phiếu Công ty CP Thủy Điện Sông Ba Hạ.

ÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

LUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
lý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngắn quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Đơn vị tính : VND	
					Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(83.026.660)	200.979.473.252	2.668.604.948.224	7.020.323.153.602
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.461.085.160.362	1.461.085.160.362
Chia cổ tức	-	-	-	-	(496.081.481.600)	(496.081.481.600)
Số cuối năm	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(83.026.660)	200.979.473.252	3.633.608.626.986	7.985.326.832.364
Năm nay						
Số đầu năm	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(83.026.660)	200.979.473.252	3.633.608.626.986	7.985.326.832.364
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	283.903.921.154	283.903.921.154
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(558.091.666.800)	(558.091.666.800)
Số cuối kỳ	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(83.026.660)	200.979.473.252	3.359.420.881.340	7.711.139.086.718

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2019/ĐHCD-NQ ngày 29 tháng 3 năm 2019, cổ tức 2018 bằng tiền là 18% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông, với tổng số tiền chi trả là 558.091.666.800 VND vào ngày 05 tháng 4 năm 2019 cho tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng 27/02/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
Tổng doanh thu	141.589.799.437	136.150.031.071
Trong đó:		
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	141.589.799.437	136.150.031.071

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
Cổ tức được chia	220.320.458.022	220.866.166.423
Lãi tiền gửi	37.581.286.068	9.763.907.130
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá	15.019	5.439.569
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	87.660.409.026	7.157.233.002
TỔNG CỘNG	345.562.168.135	237.792.746.124

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
Dự phòng (Hoàn nhập) giảm giá đầu tư	62.413.655.223	(66.430.878.220)
Chi phí lãi vay	70.869.546.746	38.594.977.519
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	569.800.330
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	3.253.896
Chi phí tài chính khác	6.343.904.275	205.378.254
TỔNG CỘNG	139.627.106.244	(27.057.468.221)

17. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
Thu nhập khác	982.147.010	-
Chi phí khác	-	(763.585.222)
GIÁ TRỊ THUẦN	982.147.010	(763.585.222)

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Đơn vị tính: VND	
	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
Chi phí nhân công	7.128.977.573	7.231.154.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.636.433.103	10.536.451.399
Chi phí dịch vụ mua vào	26.151.858.477	29.111.354.348
Chi phí khác bằng tiền	3.770.206.415	4.065.005.150
TỔNG CỘNG	48.687.475.568	50.943.965.762

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

19. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Công ty.

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
Công ty Cổ phần Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê Thu nhập cổ tức	320.548.698 130.605.269.385
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê	67.330.048
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê Phí quản lý Thu nhập cổ tức	7.510.280.367 (19.015.584.983) 3.987.959.987
Công ty Cổ phần Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê	10.330.963
Công ty Cổ Phần Phát Triển Điện Nông Thôn Trà Vinh	Công ty con	Thu nhập cổ tức	5.233.908.000
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng và Bất Động Sản Việt Nam	Công ty con	Thu nhập cổ tức	12.033.736.650
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Thác Bà	Công ty con	Thu nhập cổ tức	19.182.584.000
Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại	Công ty liên kết	Góp vốn	(2.845.600.007)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan được thể hiện như sau:

Phải thu khách hàng

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/phải trả (VND)</i>
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	<u>19.114.082</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019


19. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)


<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/phải trả (VND)</i>
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ Thu nhập cổ tức	100.069.751 130.605.269.385
Công ty Cổ Phần Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	3.711.063
Công ty Cổ Phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	23.408.880
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	1.847.761.805
TỔNG CỘNG			<u>1.974.951.499</u>
<i>Phải trả khác</i>			
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Phí dịch vụ quản lý	<u>(4.017.082.474)</u>
<i>Phải trả người bán</i>			
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Chi phí xây dựng cơ bản	<u>(41.567.948.000)</u>
<i>Trả trước cho người bán</i>			
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Phí dịch vụ quản lý	<u>(4.151.518.081)</u>

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính năm này.

Báo cáo tài chính Quý I năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019 đã được Ban Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 25 tháng 04 năm 2019.


Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Người lập


Hồ Trần Diệu Linh
Kế Toán Trưởng


Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc



Ngày 25 tháng 04 năm 2019